

Bản án số: 46/2023/HS-ST
Ngày 02-10-2023.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Phạm Thiên Việt.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Bình D, sinh năm 2001 tại tỉnh Bình D; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn Qu, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974;

Nhân thân: Ngày 13/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng nên không có án tích.

Tiền án: Ngày 12/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, bị cáo chấp hành xong hình phạt chính, chưa chấp hành án phí 200.000 đồng nên chưa được xóa án tích;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/3/2023, đến ngày 15/3/2023 chuyển tạm giam - có mặt.

2. Lê Anh T, sinh năm 2001 tại tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký thường trú: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước R, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1976; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/3/2023, đến ngày 15/3/2023 chuyển tạm giam - có mặt.

Bị hại:

- Cháu Giàng A M, sinh ngày 01/01/2009; địa chỉ: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu M: Anh Giàng A Tr, sinh năm 1973 và chị Vàng Thị T, sinh năm 1975, địa chỉ: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là cha, mẹ cháu M – có đơn xét xử vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Giàng A L, sinh năm 1997; địa chỉ: Bản N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- Anh Bùi Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

- Anh Hoàng Đình Th, sinh năm 1998, địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

- Ông Lê Quang V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

D và T là những đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 09 giờ ngày 03/3/2023, D và T rủ nhau đến xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông để tìm tài sản của người dân, trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 10 giờ cùng ngày, D và T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda không gắn biển số, có số máy FMH310393032, số khung WE11010393035 của anh Lưu Hải D, đi đến bản T xã Đ nhưng không tìm được tài sản. Khoảng 11 giờ cùng ngày, trong lúc D và T đang nghỉ bên lề đường thì phát hiện cháu Giàng Thị M (sinh ngày 01/01/2009) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48K1-120.35 (xe của gia đình anh Giàng A L) đi ngang qua. Lúc này, T rủ D cướp xe của cháu M thì D đồng ý. T điều khiển xe mô tô, chở D đuổi theo, đến đoạn đường bê tông, vượt lên chặn trước đầu xe của cháu M, D xuống xe và lấy từ trong túi áo khoác ra một con dao (loại dao thái lan, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao màu vàng dài khoảng 15cm) hướng về phía cháu M đe dọa, làm cháu M hoảng sợ rời khỏi xe đứng bên vệ đường khóc. D chạy đến lấy xe mô tô biển kiểm soát 48K1-120.35, điều khiển xe đi trước, còn T điều khiển xe đi phía sau. Trên đường đi về huyện B, tỉnh Bình Phước, D đã vút con dao vào bụi cây ven đường. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T trả xe mô tô cho anh Dụng rồi cùng D đi bán xe mô tô biển kiểm soát 48K1-120.35 vừa cướp được của cháu M cho anh Hoàng Đình Th với số tiền 4.000.000 đồng, anh Thắng đưa cho T 3.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng, T và D tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua được chiếc xe, anh Thắng tiếp tục bán cho anh Bùi Văn T 7.000.000 đồng. Ngày 09/3/2023, Huỳnh Bình D và Lê Anh T bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt.

Trong quá trình điều tra xác định, ngoài vụ cướp tài sản cùng D nêu trên, Lê Anh T còn thực hiện vụ cướp tài sản tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 04/3/2023, Lê Anh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đỏ (không xác định biển số, số máy, số khung) của đối tượng tên Q (chưa xác định nhân thân, lai lịch) lưu thông theo hướng từ thôn 05, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước về hướng Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đường đi, T nảy sinh ý định tìm người nào sơ hở để cướp tài sản nên đã mua một con dao (lưỡi dao bằng kim loại, cán dao màu vàng, dài khoảng 15cm) tại tiệm tạp hóa (không xác định được địa điểm) bên đường. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi đến thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thì nhìn thấy chị Hoàng Thị H đang một mình phát cỏ ở rẫy nên T dừng xe rồi đi bộ đến tiếp cận chị H. Khi gần đến nơi, chị H phát hiện T khả nghi nên định bỏ chạy thì bị T lao vào kẹp cổ. Chị H sử dụng con dao rựa đang phát cỏ chống trả thì bị T giằng được vứt ra xa. T tiếp tục dùng một tay kẹp cổ, một tay cầm con dao đưa ra phía trước đe dọa, yêu cầu chị H đưa tiền hoặc tài sản nhưng chị H không có tiền nên T lấy được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, rồi điều khiển xe đi về. Trên đường đi, T vứt con dao vào vườn điều (không xác định được địa điểm) và mang điện thoại vừa chiếm đoạt bán cho anh Lê Quang V được số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, T mang xe mô tô trả cho đối tượng tên Q. Số tiền bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị cáo đối với Lê Anh T, đồng thời chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đắk Nông để nhập vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL - HĐĐGTS ngày 17/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đắk Nông kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 48K1 - 120.35 đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 03/3/2023 là 13.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL - HĐĐGTS ngày 29/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Phước kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 04/3/2023 là 2.850.000 đồng.

Thu giữ đồ vật, tài liệu, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số máy FMH310393032, số khung WE11010393035; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số máy JA39E1351186, số khung 3914LY017825; 01 biển kiểm soát 48K1-120.35; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16.

Cáo trạng số 37/CT-VKS-ĐS ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đã truy tố các bị cáo Huỳnh Bình D và Lê Anh T về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã xác định: Khoảng 11 giờ ngày 03/3/2023, tại bản T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Lê Anh T và Huỳnh Bình D đã có hành vi sử

dụng dao thái lan, đe dọa, uy hiếp tinh thần cháu Giàng Thị M (sinh ngày 01/01/2009, 14 tuổi 02 tháng 02 ngày) để chiếm đoạt xe mô tô biển số 48K-120.35 có giá trị là 13.500.000 đồng. Ngoài ra, khoảng 14 giờ ngày 04/3/2023, tại rẫy của gia đình chị Hoàng Thị H thuộc thôn Đắc La, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, Lê Anh T còn có hành vi sử dụng 01 con dao đe dọa, uy hiếp tinh thần chị Hoàng Thị H để chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo có giá trị là 2.850.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Lê Anh T chiếm đoạt là 16.350.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Bình D và Lê Anh T phạm tội “*Cướp tài sản*”;

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Bình D từ 8 năm đến 9 năm tù.

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Anh T từ 9 năm đến 10 năm tù.

Các bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đắk Nông đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số máy FMH310393032, số khung WE11010393035; một xe mô tô nhãn hiệu Honda số máy JA3E1351186, số khung 3914LY017825; 01 biển kiểm soát 48K1-120.35; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 cho anh Lưu Trung Thông, anh Giàng A L và Huỳnh Bình D là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo cho chị Hoàng Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự: Quá trình điều tra, anh Hoàng Đình Th yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền: 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo T, D đồng ý bồi thường toàn bộ yêu cầu của anh Thắng. Xét thấy, việc đồng ý bồi thường là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận; buộc các bị cáo D, T mỗi bị cáo phải bồi thường 1.500.000 đồng cho anh Hoàng Đình Th.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại anh Giàng A Tr, bị hại chị Hoàng Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang V, anh Bùi Văn T không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Đối với hành vi của anh Lưu Hải D cho D và T mượn xe, tuy nhiên, anh Dụng không biết D và T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 48K1-120.35 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của anh Hoàng Đình Th, anh Bùi

Văn T và anh Lê Quang V, anh Thắng, anh Tuấn và anh Vinh không biết tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông tên Quang cho Lê Anh T mượn xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu đỏ để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lại lịch nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 02 con dao (lưỡi dao bằng kim loại, cán dao màu vàng, dài khoảng 15cm) được Huỳnh Bình D và Lê Anh T sử dụng làm phương tiện để cướp tài sản. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm, nhưng không có kết quả nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Bình D và Lê Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố các bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d, e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng và không oan; các bị cáo không bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Do ý thức xem thường pháp luật nên khoảng 11 giờ ngày 03/3/2023, tại bản T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Lê Anh T và Huỳnh Bình D đã có hành vi sử dụng dao thái lan, đe dọa, uy hiếp tinh thần, chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 48K1-120.35 của cháu Giàng Thị M (sinh ngày 01/01/2009, 14 tuổi 02 tháng 02 ngày); T, D bán chiếc xe mô tô được 3.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Tại Kết luận định giá tài sản kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 48K1 - 120.35 đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm ngày 03/3/2023 là 13.500.000 đồng.

Đối với bị cáo T, ngoài lần phạm tội nêu trên, vào khoảng 14 giờ ngày 04/3/2023, tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; T còn có hành vi sử dụng dao, đe dọa, uy hiếp tinh thần và chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; T bán được 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Tại Kết luận định giá tài sản kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm ngày 04/3/2023 là 2.850.000 đồng.

Do đó, đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Huỳnh Bình D và Lê Anh T phạm tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

....

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

....

e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, ...”

[3]. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia với vai trò, tính chất, mức độ khác nhau nên cần có sự phân hóa để áp dụng hình phạt tương xứng và đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, cụ thể: Bị cáo Lê Anh T là người khởi xướng, rủ bị cáo D thực hiện hành vi cướp tài sản của cháu Giàng Thị M; ngoài hành vi cướp tài sản ở địa bàn huyện T, ngày 04/3/2023, bị cáo T còn thực hiện hành vi cướp tài sản tại địa bàn huyện B, tỉnh Bình Phước; tổng giá trị tài sản Lê Anh T chiếm đoạt là 16.350.000 đồng, do đó, cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt cáo hơn bị cáo D thì mới tương xứng. Đối với bị cáo D là đồng phạm với vai trò tích cực, khi T rủ đi cướp tài sản thì bị cáo đồng ý; là người trực tiếp sử dụng dao Thái lan đe dọa, uy hiếp tinh thần cháu M, bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo; gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự: Quá trình điều tra, anh Hoàng Đình Th yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền: 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo T, D đồng ý bồi thường toàn bộ yêu cầu của anh Thắng. Xét thấy, việc đồng ý bồi thường là tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận; buộc các bị cáo D, T mỗi bị cáo phải bồi thường 1.500.000 đồng cho anh Hoàng Đình Th.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại anh Giàng A Tr, bị hại chị Hoàng Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang V, anh Bùi Văn T không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6]. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đắk Nông đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số máy FMH310393032, số khung WE11010393035; một xe mô tô nhãn hiệu Honda số máy JA3E1351186, số khung 3914LY017825; 01 biển kiểm soát 48K1-120.35; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 cho anh Lưu Trung Thông, anh Giàng A L và Huỳnh Bình D là chủ sở hữu hợp pháp.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo cho chị Hoàng Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Bình D và Lê Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với hành vi của anh Lưu Hải D cho D và T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda không gắn biển số, có số máy FMH310393032, số khung WE11010393035. Tuy nhiên, anh Dũng không biết D và T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 48K1-120.35 và một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của anh Hoàng Đình Th, anh anh Bùi Văn T và anh Lê Quang V; anh Thắng, anh Tuấn và anh Vinh không biết tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông tên Quang cho Lê Anh T mượn xe mô tô nhãn hiệu Exiter màu đỏ để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Bình D và Lê Anh T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1.1 Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Anh T 09 (chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/3/2023.

1.2 Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Bình D 08 (tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/3/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo D, T mỗi bị cáo phải bồi thường 1.500.000 đồng cho anh Hoàng Đình Th.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Đắk Nông đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số máy FMH310393032, số khung WE11010393035; một xe mô tô nhãn hiệu Honda số máy JA3E1351186, số khung 3914LY017825; 01 biển kiểm soát 48K1-120.35; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 cho anh Lưu Trung Thông, anh Giàng A L và bị cáo Huỳnh Bình D.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước đã trả lại một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo cho chị Hoàng Thị H.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Huỳnh Bình D và Lê Anh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC 06 và PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Quang Trung